



UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
HẢI PHÒNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 22 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

- + **Bữa sáng:** Bún riêu
- + **Bữa trưa:**
- Món mặn: Gà chiên mắm
 - Món canh: Tôm tàu hủ thơm cà
 - Món xào: Súp lơ xanh hấp
 - Phụ trưa: Sữa Probi
- + **Bữa chiều:**
- Ăn xế: Bánh canh thịt chả

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	4,260,000	116	310	4,158,500	101,500
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	11,076,000	116	310	11,177,500	(101,500)
Tổng tiền chợ:	15,336,000			15,336,000	-
Tổng số học sinh đi học:	426				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	16.44				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	7.47				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	8.97				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				4,158,500	
1	Bún tươi	kg	41.00	12,000	492,000	
2	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	1.00	82,000	82,000	
3	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
4	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
5	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	0.50	43,000	21,500	
6	Thơm không cùi	kg	4.00	34,000	136,000	
7	Trứng gà (quả)	Quả	40.00	3,600	144,000	
8	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
9	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
10	Cà chua	kg	5.00	42,000	210,000	
11	Thịt nạc vai	kg	8.00	140,000	1,120,000	
12	Tôm loại 1	kg	8.00	230,000	1,840,000	
13	Viên riêu cua (12 hộp/lốc)	Viên	7.00	7,000	49,000	
II	Ăn chính + phụ				11,177,500	
1	Bột gạo sợi cắt 1 phân	kg	15.00	28,000	420,000	
2	Cà chua	kg	4.00	42,000	168,000	

3	Chả bò quết	kg	5.90	210,000	1,239,000	
4	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	4.00	82,000	328,000	
5	Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai/thùngk)	Chai	3.00	32,000	96,000	
6	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
7	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	1.00	39,000	39,000	
8	Gạo bồ câu (cỏ may)	kg	24.00	21,000	504,000	
9	Hành lá	kg	0.58	50,000	29,000	
10	Hành tỏi	kg	0.31	60,000	18,600	
11	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.50	43,000	64,500	
12	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
13	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	2.00	4,000	8,000	
14	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	3.00	23,000	69,000	
15	Sữa chua uống Probi 65ml (50 hộp/thùng)	Hộp	428.00	6,300	2,696,400	
16	Su lơ xanh sơ chế không củi	kg	8.00	70,000	560,000	
17	Tàu hũ non (hộp)	Hộp	35.00	17,000	595,000	
18	Thịt gà (đuôi, ức) (gà cn)	kg	24.40	95,000	2,318,000	
19	Thịt nạc vai	kg	7.50	140,000	1,050,000	
20	Thơm không củi	kg	4.00	34,000	136,000	
21	Tiêu xay rồng tay nguyên (tiêu thương)(500gr/gói)	kg	0.05	180,000	9,000	
22	Tôm loại 1	kg	3.50	230,000	805,000	
TỔNG CỘNG					15,336,000	

Bằng chữ: Mười lăm triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng./.